

THẮNG TỬ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN KINH LUẬN QUYỂN 2

Lại có nghĩa khác: Dựa vào bốn loại công đức châu báu của thế gian, giống như vậy để nói về pháp bảo xuất thế gian, nên biết.

Những gì gọi là bốn loại công đức châu báu của thế gian? Sao gọi là tương đối giống như?

1. Giá trị quý trọng to lớn hơn hết. Như người thế gian được của báu kia thì có thể phát sinh ra vô lượng tài sản quý báu. Cũng như vậy, được pháp quý báu xuất thế gian của Phật, cho nên Bồ-tát có khả năng sinh ra vô lượng căn thiện.

2. Tương ứng với pháp tối thắng. Như người thế gian được của báu kia, cho nên họ có khả năng chữa lành mọi chứng bệnh. Cũng như vậy, vì được pháp quý báu xuất thế gian của Phật, cho nên Bồ-tát có thể đoạn trừ tất cả chứng bệnh phiền não, như thuốc vi diệu kia.

3. Như ý. Như người thế gian được Thế ngọc báu Ma-ni Như ý kia, dựa vào ngọc báu đó, họ cần cầu điều gì cũng được. Cũng như vậy, vì được pháp quý báu xuất thế gian của Phật, cho nên Bồ-tát dựa vào pháp, tư duy về hết thảy công đức căn thiện đầy đủ.

4. Thế báu. Như người thế gian được ngọc báu Ma-ni kia thì tâm cần cầu điều gì cũng đều có được không cùng tận. Cũng như vậy, vì vượt lên trên tất cả mọi nỗi khổ thế gian, Bồ-tát được pháp bảo xuất thế gian của Phật, cho nên có được quả báo không cùng tận, có thể vì chúng sinh nói pháp quý báu không sống-không chết.

Lại còn có nghĩa: Chúng sinh ở thế gian được vô lượng của quý báu. Có của báu trong tay là có thể tùy ý thành tựu vô lượng sự việc thù thắng.

Cũng như vậy, được pháp bảo xuất thế gian của Đại thừa cho nên Bồ-tát có thể tùy ý thành tựu tất cả quả báo thù thắng, tất cả công đức

của thế gian và xuất thế gian. Như vậy, được vô lượng của báu, điều trị các chứng bệnh.. Dựa vào câu đầu để giải thích các câu khác, cho nên biết.

Câu pháp như vậy, tùy thuận việc học rộng nghe nhiều, có phương tiện khéo léo, có khả năng xa lìa các lỗi. Vì vậy theo thứ tự giảng nói tướng của pháp kia, thoát khỏi tội phá hủy giới cấm. Tức là nương vào pháp mà quán sát như thật, không nhận lấy-không buông bỏ. Nương vào không sinh-không diệt, không đi-không đến. Nương vào đời vị lai không còn làm điều ác. Nương vào khả năng xa lìa tất cả những gì đã nghi ngờ mà đạt được nhãn vô sinh, là nhãn nội tâm, làm cho các pháp nhãn vắng lặng, quán sát như thật không nhận lấy-không buông bỏ.

Được nhãn không diệt, là quán sát như thật về tự Thể của tội lỗi là do sự phân biệt hư vọng, vì nó không sinh-không diệt-không đi-không đến.

Được nhãn nhân duyên, là quán sát nhân duyên xưa nay không sinh vì thuộc về Thể tánh khác. Quán sát như thật về Thể bị ô nhiễm do phá hủy giới cấm, cho nên lìa nguyên nhân phát sinh, trong đời vị lai không còn làm ác nữa.

Chứng được nhãn vô trú là tâm đối khác lần lượt nảy sinh sự ăn năn. Quán sát như thật về căn bản của các tội ở trong thân, không lìa nơi tâm, không nhận thấy tội lỗi kia. Như vậy là không nhận thấy tất cả tội lỗi, xa lìa tất cả những gì đã nghi ngờ trong tâm, vì có khả năng làm tiêu mất sự hối tiếc cho nên vượt ra khỏi tội lỗi.

Như vậy, căn bản của các lỗi là pháp nhiễm hư vọng. Nếu muốn chấm dứt lỗi thì cần phải đoạn tuyệt gốc lỗi. Vì vậy tiếp theo là nói đến việc đoạn tuyệt nguồn gốc của lỗi kia.

Khéo đoạn trừ các phiền não, là nương vào ba đời để nói, quán sát chân chánh là như thật chánh niệm. Dựa vào hoạt động của tà niệm cho nên phiền não khởi lên. Do quán sát chân chánh như thật cho nên không nhận lấy tự thể của lỗi kia, xa lìa các chướng ở vị lai.

Tăng trưởng các pháp tịnh là trong đời vị lai sẽ không còn làm ác, bởi vì chí tâm không làm điều ác này, cho nên đạt được tâm thanh tịnh.

Được sức mạnh của pháp thiện, là quán sát các lỗi của phiền não hư vọng, không nhận thấy tất cả phiền não trong quá khứ, đó là nhờ sức mạnh của pháp tịnh.

Ở riêng một mình xa lìa, là đã có được chủng tử của tâm vắng lặng, yên tĩnh.

Như vậy, theo thứ tự căn thiện tăng thêm tùy thuận không sinh cảnh giới phiền não, không che giữ các phiền não, là do sức mạnh của nhân duyên, cho nên phiền não không còn khởi lên trong đời vị lai.

Như vậy, khuất phục các phiền não xong, Bồ-tát khéo đến với các đại chúng, vì vậy theo thứ tự trình bày về tướng của pháp kia.

Khéo đến với các đại chúng, có hai loại khác nhau: Dựa vào sự sai biệt về người, dựa vào sự sai biệt của tâm.

Dựa vào sự sai biệt về người, là đến với những người nào? Đến đó để làm gì? Đến vì nghĩa gì? Tại sao lại phải đến? Đây là trình bày về nghĩa nào? Người quý giá xuất gia có tuệ nghe nhiều học rộng vì cầu pháp, sinh tâm quý trọng, đi đến người ấy mà không tìm kiếm lỗi của họ. Người này vì không tìm kiếm lỗi lầm của người kia như vậy, đến với người thấp kém xuất gia, có tuệ nghe nhiều học rộng, vì mục đích cầu pháp cho nên sinh tâm tôn trọng, đi đến người với tâm không kiêu mạn như vậy. Đến với người nơi A-lan-nhã là người không có tuệ nghe nhiều học rộng, nhưng Bồ-tát không có tâm khinh thường mà chỉ mong cầu một ít pháp thiện, tới đó Bồ-tát không tự đề cao mình. Như vậy người này không tự đề cao mình, cho nên có thể đi đến chỗ ồn ào náo nhiệt. Người này đến với người có tuệ nghe nhiều học rộng, nhưng Bồ-tát vẫn không khinh thường họ, vẫn không đề cao mình là người hơn hết, sao lại tới đó? Bởi vì cho rằng thân mình đối với thân người khác, vì cầu mong căn thiện nên đến với người kia, không vì thân mình được cung kính cúng dường, ca ngợi thanh danh. Người này không vì thân mình được cúng dường cung kính, ca ngợi thanh danh mà đến với người kia. Tâm niệm khác nhau, là bởi vì nương vào bốn loại tâm thành tựu:

1. Tâm cầu pháp thành tựu, là thấy pháp thù thắng, giống như châu báu, vì mong cầu pháp đó cho nên đến với đại chúng.

2. Tâm oai nghi thành tựu, là cởi bỏ áo mũ-giày dép-ô dù quý báu..., thể hiện oai nghi nhu hòa tùy thuận mà đến với đại chúng.

3. Tâm mong cầu nghĩa tối thượng của căn thiện thành tựu là dù được pháp vô thượng nhưng không cho là đủ, lại mong cầu pháp thù thắng trong pháp thù thắng, vì pháp thí cho nên đến với đại chúng.

4. Tâm bản nguyện thành tựu là không mong cầu thân mình được cúng dường cung kính, tôn xưng ca ngợi, mà vì lợi mình, lợi người, cho nên đến với đại chúng.

Như vậy, đến với các đại chúng cần phải thực hành pháp thí. Vì vậy, theo thứ tự nói về tướng của pháp đó.

Khéo mở bày pháp thí, dùng pháp gì để nói? Dùng nghĩa gì để

nói? Nương vào sự việc gì để nói? Nói thế nào? Vốn là dựa vào sự việc ấy mà nói.

Dùng pháp nào để nói là dùng pháp để nhiếp thủ pháp. Như được Tuệ về nghe để giảng nói pháp như vậy.

Dùng nghĩa gì để nói là hiểu được nghĩa cho nên tự lập thế nguyện xong, cuối cùng trong tâm mình tư duy mà giảng giải cho người khác.

Nương vào sự việc nào để nói, là làm điều vi diệu, làm sự việc tài đức. Như pháp đã nói, làm việc như, dùng các ngôn ngữ giải thích không giả dối.

Nói pháp thế nào? Là chỉ rõ pháp nhiệm-tịnh. Chỉ rõ theo thứ tự tướng của hai pháp với hai đế.

Như vậy giảng nói pháp cho người khác giúp họ nảy sinh căn thiện, tự mình tăng trưởng năng lực kiên cố của nhân. Vì vậy theo thứ tự giảng nói về tướng của pháp kia, trước hết là có được năng lực của nhân, không làm mất căn thiện. Nương vào bốn pháp để nói.

1. Giáo hóa chúng sinh.

2. Có thể nhẫn chịu các khổ.

3. Xa lìa tà kiến.

4. Tu hành tất cả căn thiện công đức. Nương vào năng lực kiên cố của nhân mà nói.

Ai sai lầm thiếu sót, không thấy lỗi của họ, là không thấy lỗi của người khác mà còn phòng hộ lỗi nơi thân mình. Giáo hóa được kẻ lỗi lầm là nhờ sức mạnh kiên cố của các nhân, đời đời kiếp kiếp thường có khả năng giáo hóa tất cả chúng sinh, là nhờ nương vào năng lực của nhân tăng trưởng vững chắc hiện tiền.

Với năng lực của nhân vững chắc như vậy, sẽ giáo hóa chúng sinh trong đời vị lai một cách kiên cố, lớn mạnh thêm mà được thành tựu. Đây gọi là diệu lực của nhân mà Bồ-tát đã được từ trước cho nên không làm mất căn thiện.

Đối với người giận dữ, Bồ-tát thường tu tập tâm Từ, là ưa tu tập tâm Đại Từ, bởi vì có khả năng nhẫn nhục đối với sự giận dữ của người kia. Chúng sinh gây khổ não, Bồ-tát có khả năng chịu đựng mọi khổ đau. Với năng lực của nhân kiên cố cho nên đời đời, kiếp kiếp Bồ-tát ưa tu tập Đại Từ, thường xuyên có khả năng chịu đựng sự sân giận. Chúng sinh nổi giận gây khổ não, nhưng với năng lực của nhân tăng trưởng, kiên cố hiện tiền, Bồ-tát nương vào đó, nương vào năng lực của nhân kiên cố như vậy cho nên có thể chịu đựng mọi nỗi khổ trong đời vị lai. Nhờ sức tăng trưởng kiên cố mà được thành tựu. Đây gọi là Bồ-tát có

được diệu lực của nhân từ trước cho nên không làm mất căn thiện.

Thường nói nhân duyên của các pháp, là chỉ rõ cho kẻ khác về nhân không điên đảo trong các pháp, chỉ rõ sức mạnh của nhân đạt quả bằng cách rời tà kiến mà ưa chuộng chánh kiến. Với sức của nhân kiên cố, cho nên đời đời, kiếp kiếp ở trong các pháp, vì người khác chỉ rõ nhân không điên đảo. Diệu lực của nhân đạt quả, là lia bỏ tà kiến ưa thích chánh kiến. Sức của nhân tăng trưởng kiên cố hiện tiền.

Bồ-tát nương vào sức của nhân kiên cố đó cho nên thân mình trong đời vị lai ưa chuộng chánh kiến, không thích tà kiến, với sức kiên cố tăng trưởng mà được thành tựu. Đây gọi là Bồ-tát có được diệu lực của nhân từ trước cho nên không làm mất căn thiện.

Thường nhớ nghĩ Bồ-đề là không từ bỏ nguyện lực của tâm Bồ-đề, thường xuyên không rời bỏ tâm Bồ-đề, tu hành tất cả căn thiện công đức.

Thấy tâm của Đại Bồ-tát với nguyện lực kiên cố cho nên Bồ-tát đời đời, kiếp kiếp thường tu tập tất cả công đức thiện căn, sức mạnh của nhân được tăng trưởng kiên cố hiện tiền.

Nương vào sức của nhân kiên cố đó, Bồ-tát tu hành tất cả công đức căn thiện trong đời vị lai, cho nên sự kiên cố tăng trưởng đều được thành tựu. Đây gọi là đầy đủ được năng lực của nhân từ trước cho nên không làm mất căn thiện.

Như vậy bởi vì có năng lực của nhân từ trước, dù chưa có người giảng nói hạnh Ba-la-mật, nhưng Bồ-tát vẫn có phương tiện thực hành Ba-la-mật. Vì vậy tiếp theo là nói đến sự việc không do người khác dạy bảo mà có khả năng tự thực hành pháp hạnh Ba-la-mật. Dùng bố thí làm người dẫn đường, bố thí ở trong Ba-la-mật là đứng đầu, mình tu hành trước mới dạy người khác, giúp họ bước vào tu hành.

Tu hành bố thí như vậy cho nên Bồ-tát thành tựu hạnh bố thí trong đời vị lai, từ kiếp sống này đến kiếp sống khác, đời đời không do người khác dạy bảo mà Bồ-tát vẫn có khả năng thực hành Bố thí Ba-la-mật.

Không nói tội phá bỏ giới cấm của người khác, là chỉ rõ không thấy lỗi lầm của người khác, Bồ-tát khéo trú vào trì giới. Do khéo trú vào giới cấm như vậy, cho nên không làm mất tất cả các hạnh của giới cấm, đời đời kiếp kiếp không do người khác dạy bảo nhưng Bồ-tát vẫn có khả năng thực hành Thi Ba-la-mật (Trì giới Ba-la-mật).

Khéo nhận biết nhiếp pháp giáo hóa chúng sinh, là bởi vì giáo hóa các chúng sinh khiến cho họ được nhàn yên ổn. Ai không tu tập các hành thì Bồ-tát siêng năng giảng nói các pháp cho họ không mỗi một,

biết tâm, biết sử dụng giáo pháp mà nhiếp thủ chúng sinh.

Bồ-tát tu hành nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định như vậy cho nên đến đời vị lai thành tựu được tinh tiến, nhẫn nhục và thiền định. Đời đời kiếp kiếp theo thứ tự như vậy, không do người khác dạy bảo mà Bồ-tát vẫn có khả năng thực hành nhẫn nhục, tinh tiến, thiền Ba-la-mật.

Hiểu rõ ràng pháp sâu xa, là khéo nhận biết tất cả các pháp không có ngã. Bồ-tát vì tin hiểu về pháp sâu xa như vậy, cho nên thành tựu trí tuệ ở vị lai, trong nhiều kiếp sống qua mỗi đời, không do người khác dạy bảo mà vẫn có khả năng tự thực hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát tu hành Ba-la-mật như vậy, thực hành được hạnh thù thắng hòa dịu, có khả năng chuyển biến các thiền định, hóa sinh trở lại trong cõi Dục.

Vì vậy theo thứ tự giảng nói tướng của pháp ấy. Tâm hòa dịu là do chứng được Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề cho nên Bồ-tát có năng lực tự tại. Dùng phương tiện khéo léo mà có khả năng chuyển biến, khởi hiện cảnh giới mẫu nhiệm thù thắng. Bồ-tát kia đã được năng lực tự tại trong thiền định, không vì thiền định mà sinh lên cõi Sắc. Được sức mạnh của căn thiện là các Bồ-tát có khả năng từ bỏ lĩnh vực tốt đẹp mà không giữ lấy cảnh giới tốt đẹp. Mặc dù sinh vào cõi dưới, nhưng Bồ-tát vẫn không lùi mất thiền định kia.

Khéo tu tập sức mạnh của phương tiện trí tuệ là các Bồ-tát do có năng lực của phương tiện Bát nhã cho nên khéo tu tập các hạnh, vì vậy không lùi lại nơi địa dưới. Do nhầm chán mà không tiếp nhận địa đó, cũng không tu hành hạnh gì để sinh vào cảnh giới đó.

Chỉ rõ về chánh nhân cho nên không bỏ tất cả các chúng sinh, vì không rời bỏ chúng sinh, cho nên các Bồ-tát rời bỏ cảnh giới mẫu nhiệm tốt đẹp, chấp nhận sinh vào nơi chốn thấp kém, là chỉ rõ công hạnh giáo hóa các chúng sinh.

Như vậy Bồ-tát không tham đắm niềm vui riêng mà đem niềm vui cho người khác, chỉ rõ mang lại an vui cho chúng sinh, vì đã được pháp luân không lùi lại. Theo thứ tự sẽ nói đến tướng của pháp đó.

Chứng được địa của pháp luân không thối chuyển, là vì đối với ba loại lùi lại cần phải đối trị cho nên nói bốn pháp đối trị. Về nghĩa này cho nên biết. Cho nên biết như vậy nào? Đó là ba pháp khiến cho sự tu tập hạnh Bồ-tát bị lùi lại:

1. Thời gian lâu xa vô lượng. Vì không thể chịu đựng mọi thứ khổ não của sự sống..., cho nên phát sinh tâm niệm lùi lại.

2. Vì công đức trí tuệ kém cho nên sinh tâm lùi lại.

3. Bỏ rơi tất cả chúng sinh, không có tâm Từ Bi, cho nên phát sinh tâm lùi lại.

Có sức chịu đựng sinh tử vô lượng là Bồ-tát có tâm niệm hoàn toàn chấp nhận thời gian vô lượng, cho nên dù có vô lượng các nỗi khổ của sự sống nhưng vẫn đủ khả năng chịu đựng, không sợ hãi, không cảm thấy mệt mỏi.

Cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, là Bồ-tát cung kính, cúng dường vô lượng chư Phật theo Phật nghe pháp cảm được vô lượng công đức trí tuệ. Vì vậy Bồ-tát thành tựu được công đức trí tuệ tốt đẹp vô cùng.

Tu hành vô lượng tâm Đại Từ, Đại Bi; là Bồ-tát theo thứ tự như vậy mà ban cho tất cả chúng sinh sự yên ổn, đem niềm vui đến cho mọi chúng sinh, bởi vì Bồ-tát không lia bỏ họ.

Như vậy bởi vì chứng được địa không thối chuyển, cho nên không đoạn tuyệt chủng tử Phật mà tu hành như thật, vì vậy, theo thứ tự sẽ nói đến pháp tướng đó. Không đoạn tuyệt chủng tử Phật mà tu hành như thật, là vì chứng được Phật địa đệ nhất nghĩa, vì chứng được Phật địa ở thế gian.

Phật địa đệ nhất nghĩa, có ba nhân tố mà chứng được:

1. Tâm ham muốn căn bản.
2. Chí tâm mong muốn chứng đắc.
3. Tâm ham muốn tối thượng.

Bản nguyện không lùi lại, là vì không làm mất căn bản của sự ham muốn. Đây gọi là tâm ham muốn căn bản, vì nó chỉ rõ tướng nơi sức mạnh của nguyện gốc.

Tu hành như lời nói, là theo pháp Như Lai đã giảng nói mà tu hành như vậy, gọi là tu hành như lời nói, là chỉ rõ các Bồ-tát chí tâm muốn được chứng ngộ.

Đối với các pháp thiện có sự ham muốn lớn về tinh tiến là tâm ham muốn cao thượng, dù được một phần ít nhưng vẫn không cho là đủ, lại còn mong cầu pháp thù thắng.

Tâm sâu xa thực hành Phật đạo, là chỉ rõ tên gọi tạm thời về nhân của Phật địa. Giả danh là Phật, nêu rõ Đức Phật giảng sinh và lúc nhập Niết bàn.

Nói tâm sâu xa là chỉ rõ việc cầu tâm của Đức Phật giảng sinh ấy.

Thực hành Phật đạo là tu hành như thật, là Đức Phật giảng sinh thị hiện Phật trú trì. Lại bởi vì thị hiện lúc Đức Phật giảng sinh, còn có

thuyết pháp chuyển pháp luân để nhiếp thủ tất cả chúng sinh.

Vì cảm nhận niềm vui của nghĩa các pháp nào? Đức Phật phát ra hào quang tỏa sáng để nhiếp thủ chúng sinh. Vì Thánh giả Phạm Thiên Thắng Tư Duy muốn thọ nhận các niềm vui pháp kia. Nương vào lời hỏi trước của Phạm Thiên về sự thù thắng, Thánh giả Vãng Minh Đồng tử Bồ-tát hỏi Phạm Thiên về pháp tướng nổi bật đã nói đó.

Từ đây trở xuống sẽ nói rộng về Phạm Thiên Thắng Tư Duy, cho nên biết.

Phần hỏi của Phạm Thiên có tám loại tà và chánh được ghi nhận vì nói về pháp đó. Như kinh nêu “ Thiên nói: Vãng Minh! Nếu Bồ-tát thấy có ngã cho nên hỏi, đó là hỏi tà không phải là hỏi chánh”. Những gì là tám thứ? Đó là:

1. Nương vào.
2. Thể.
3. Nương dựa.
4. Nương vào sự.
5. Lỗi lầm.
6. Lợi ích.
7. Dấy khởi.
8. Căn bản.

Nương vào, nghĩa là nương vào Đại thừa, vì nương vào thừa đó, là câu hỏi chánh ở đây.

Thể: Hỏi tà là Thể. Thể ấy có ba loại. Đó là Ngoại đạo, Thanh văn và Bồ-tát mới phát tâm.

Nương tựa: Có ba loại không có trí là thô-trung bình và vi tế. Ba loại ấy là tối tăm, nghĩa là theo thứ tự như ngoại đạo..., nên biết. Nên biết như vậy nào? Nên biết người ngoại đạo dựa vào không có trí thô sơ. Vì vậy không nhận thức được thể, tướng của vô ngã, trong thân mình và thân người chấp trước có ngã, bởi vì không thể nào biết được tướng của các pháp. Nương vào tâm mình, nhận thấy luận tà đã giảng nói, theo nghĩa câu của luận đó, chấp trước nơi pháp tướng. Như vậy theo thứ tự thân mình và thân người vì nhận thức hư vọng mà hỏi.

Hết thấy như vậy không phải là hỏi chánh niệm mà đều là hỏi tà.

Thanh văn phân biệt nhận biết tướng của pháp vô ngã, vẫn còn có điều không biết. Vì vậy gọi là hạng không có trí, tối tăm trung bình. Dựa vào chỗ không có trí trung bình ấy mà nhận lấy nghiệp của mình tạo tác các nghiệp..., tức là chính nơi nghiệp đó mà nhận quả báo chứ không phải đâu khác. Và chấp vào tự Thể theo tướng đồng-tướng khác,

thành tựu các pháp chắc chắn có như sắc...

Thừa hỏi như vậy là chấp trước thân mình và pháp của thân khác. Vì có tùy thuận mà đoạn trừ chướng phiền não, dựa vào Thừa mình gọi là chánh niệm. Dựa vào đoạn trừ chướng phiền não nhưng không tùy thuận đoạn trừ chướng của trí cho nên gọi là tà niệm. Dựa vào Đại thừa cho nên gọi là hỏi tà.

Bồ-tát mới phát tâm có phần ít khả năng nhận biết các pháp vô ngã. Còn có chỗ không biết là không có trí mà có vi tế, dựa vào không có trí vi tế-dựa vào không có vật nào có lìa bỏ tướng có mà chấp lấy tướng không. Ở trong hai pháp, một mực chấp giữ pháp không duyên nơi tướng của pháp không mà hỏi, là hỏi không chân chánh.

Nói nương vào sự thì sự có sáu loại:

1. Âm-nhập-giới.
2. Nhân duyên tập hợp.
3. Đế (Chân lý).
4. Chứng trí.
5. Đối với đối trị.
6. Pháp Phật.

Dựa vào việc của âm-giới-nhập là dựa vào ngã để hỏi về ngã. Dựa vào việc của nhân duyên tập hợp là dựa vào thuận nghịch mà hỏi, lấy sinh mà hỏi, lấy diệt mà hỏi, lấy thị xứ phi xứ mà hỏi, tức là hỏi về nhân duyên tập hợp kia. Sinh diệt tức là thị xứ phi xứ. Như trong kinh nói: “Nghịệp của thân-miệng..., tu hành các điều lành, nếu sinh vào đường dữ thì không có chuyện đó”.

Nương vào sự việc của Đế, là thuận với nhân duyên tu tập, nghịch với nhân duyên tu tập.

Thuận với nhân duyên tu tập là hai Đế, với Thể cấu nhiễm có nhân-có quả là Thể của pháp hành hữu lậu.

Nghịch với nhân duyên tu tập là hai Đế với Thể tịnh nương vào đạo có khả năng diệt trừ, vì vậy Đạo đế gọi là Diệt đế.

Như vậy, nương vào hai Đế với hai loại nhiễm-tịnh mà hỏi. Dựa vào hai Đế với Thể của pháp nhiễm mà hỏi về thế gian có sinh tử. Dựa vào hai Đế với Thể của pháp tịnh, mà hỏi về Niết-bàn tịch diệt. Như vậy, theo thứ tự, sinh trong thế gian, vượt lên trên thế gian mà chứng được Niết-bàn.

Như vậy Niết-bàn và thế gian là hai loại khác nhau, là nương vào Niết-bàn hữu dư và Niết-bàn vô dư.

Như vậy hỏi những sự việc thế gian là dựa vào thật Đế mà hỏi,

nghĩa này nên biết . Do ý nghĩa đó, dựa vào bốn loại sự việc của Đế mà làm cản trở pháp vô ngã.

Nướng vào việc chứng trí, là dựa vào sự hiểu biết và xa lìa mà hỏi, vì chứng đắc vì tu tập mà hỏi. Theo thứ tự như vậy, trí đó vào lúc kiến đạo được gọi là trí.

Đã chứng trí cho nên từ đây trở lên, được gọi là tu đạo. Vì được chứng biết cho nên dựa vào trí chứng ngộ để hỏi, được gọi là trí, được gọi là tu hành, nghĩa này cho nên biết.

Vì xa lìa Tập kia cho nên được quả của chánh đạo xuất thế gian, vì lìa khỏi các kiết sử phiền não nơi thân, cho nên dựa vào chỗ xa lìa sự việc mà hỏi, như kinh nói: “Vì vậy Vông Minh! Dùng những nơi chốn không đắc, không nhận lấy, không chứng ngộ, không phân biệt, không biết, không nương tựa, không tu, không tu kiến mà hỏi, đó là hỏi chân chánh”. Việc ấy có nghĩa gì? Ở trong Chân Như đã nói về câu chữ là nói không có trí như vậy, là để ngăn ngừa lĩnh vực Chân Như không có pháp như vậy. Như mỗi câu có vị trí riêng cũng là để ngăn chặn vị trí của chúng không có pháp như vậy.

Không nhận lấy, là không còn phân biệt hư vọng rằng mình đã đạt được.

Không phân biệt, là không phân biệt hư vọng rằng mình đã chứng ngộ.

Không nương dựa, là không phân biệt hư vọng rằng mình đã biết Niết-bàn.

Không phân biệt, là Đệ nhất nghĩa.

Nói nương tựa, là nương vào kiến đạo, kiến đạo là dựa vào tu đạo mà nói.

Không tu kiến, là không chấp mình tu đạo. Nói pháp như vậy thì gọi là chánh.

Nướng vào đối với đối trị, là các pháp thiện-bất thiện... Pháp bất thiện gọi là đối, pháp thiện gọi là đối trị.

Lại nữa, pháp thiện có hai loại khác nhau là hữu lậu và vô lậu.

Lại nữa, các ngoại đạo do gắn với tà kiến ô trược, cho nên trong cõi sinh tử luôn có lỗi lầm, nghĩa này nên biết.

Không có lỗi cũng có hai loại khác nhau là hữu vi và vô vi.

Pháp thiện lại có hai loại khác nhau là thế gian và xuất thế gian.

Kẻ có tâm phân biệt vì không có phân biệt dựa vào đó mà hỏi về các việc chủ thể đối trị và đối tượng cần phải đối trị.

Võng Minh! Nếu Bồ-tát không thấy hai và không thấy không hai,

thì không thấy hai số cũng không thấy một số. Đó là để ngăn ngừa có thể chấp lấy pháp vô ngã.

Hỏi về vô minh, vô tướng, việc làm bình đẳng đó gọi là hỏi chánh. Vì giữ lấy tướng của pháp kia cho nên phải ngăn ngừa khả năng chấp lấy, có thể chấp lấy tướng đó.

Lại nữa, hỏi về vô tướng và việc làm bình đẳng vô tướng, là để ngăn ngừa chủ thể nói, có thể nói về tướng.

Vả lại, chủ thể nói gọi là bình đẳng, có thể nói gọi là tướng, vì nhận biết tất cả mọi sự đều bình đẳng.

Pháp kia có thể nói cũng gọi là bình đẳng, bởi vì nhiều loại pháp tướng giống nhau gọi là nói.

Nướng vào việc của pháp Phật, là nướng vào Phật, nướng theo pháp, nướng vào sự tu hành, nướng vào nơi chốn, nướng vào chúng sinh có thể hóa độ, nướng vào sự tinh tiến, giữ lấy chứng trí.

Như vậy theo thứ tự Phật..., nêu rõ nhân sai biệt ấy mà hỏi về các loại như Phật... Nên biết.

Đủ chủng loại Phật là sự khác nhau về thời kỳ, gia đình, dòng họ, đời sống.

Đủ chủng loại Pháp là sự khác nhau về các thể loại của kinh, Kỳ-dạ...

Đủ chủng loại Tăng, là sự khác nhau ít nhiều về Bồ-tát, Thanh văn, Tăng xen tạp từ xưa đến nay.

Đủ chủng loại quốc độ, là sự khác nhau về quốc độ thanh tịnh và tạp nhiễm từ xưa đến nay.

Đủ chủng loại chúng sinh, nghĩa là sự khác nhau về các loại phiền não như tham lam, giận dữ, si mê xen tạp...

Đủ chủng loại Thừa, là sự khác nhau về các Thừa như Thanh văn...

Nói lỗi lầm, là các ngoại đạo..., hỏi về pháp sinh-pháp diệt, và thị xứ phi xứ. Thấy pháp sinh mà hỏi. Thấy pháp diệt mà hỏi. Thấy pháp ô nhiễm mà hỏi. Thấy pháp thanh tịnh mà hỏi. Các câu hỏi như vậy đều là hỏi ô nhiễm, vì vậy gọi là lỗi lầm.

Người hàng Thanh văn đối với tất cả câu hỏi cũng như vậy, vì diệt-vì tịnh-vì thành tựu Niết-bàn mà không đạt được Đại Bồ-đề, vì vậy gọi là lỗi lầm.

Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề cũng hỏi không chánh niệm, bởi vì không thành tựu trí thanh tịnh như thật, cho nên gọi là lỗi.

Nói lợi ích, là nếu không có người nào hỏi như vậy thì gọi là lợi

ích. Nghĩa này nên biết.

Các câu hỏi như vậy đều không phải là các câu hỏi chân chánh. Các câu hỏi như vậy gọi là các câu hỏi chân chánh, đều nêu rõ nghĩa lý ấy.

Nói là dấy khởi, tức là không phải câu hỏi đúng đắn và các câu hỏi đúng đắn, chỉ rõ nghĩa lợi ích kia. Như kinh nói: “Lại nữa, này Bồ-tát Vông Minh! Tất cả các pháp là chánh, tất cả các pháp là tà”.

Điều này có ý nghĩa gì? Các ấm-giới-nhập..., đều nói thuộc về trong pháp Phật, như trước đây đã nói về các sự tướng ấm, giới, nhập...

Các pháp như đã giảng nói không thể nghĩ bàn gọi là chánh, mà dấy lên nghĩ bàn gọi là tà, là sự việc hỏi không chánh và hỏi chánh. Như kinh nói: “Phạm Thiên nói: Vông Minh! Do nghĩa nào mà các pháp không thể nghĩ bàn thì tất cả pháp ấy gọi là chánh”. Nếu không thể nghĩ bàn mà nghĩ bàn cho nên tất cả các pháp đều gọi là tà. Vì nghĩa gì? Vì mọi pháp là không thể nghĩ bàn, như kinh nói: Tất cả pháp tĩnh lặng gọi là chánh tư duy; vì Thể xa lìa phân biệt hư vọng, gọi là tĩnh; bởi vì không có hý luận, cho nên cũng gọi là tĩnh lặng. Vì không tin sự tĩnh lặng của pháp vô ngã cho nên rơi vào phía tăng thượng mạn. Phân biệt hư vọng là có thể phân biệt pháp mà tu tập các hạnh, vì phân biệt bốn đại cho nên khởi lên câu hỏi, hỏi pháp như vậy thì không phải hỏi một cách chân chánh.

Pháp chánh tánh là lìa cảnh giới của mình, lìa phạm vi ham muốn khác, đó gọi là pháp tánh. Đây là chỉ rõ về nhân của hỏi chân chánh.

Đây là do nghĩa nào, dùng các pháp quán sát nào để có khả năng xa lìa dục vọng? Do các trí nào mà phân biệt được pháp đó? Hai pháp không hai kia gọi là pháp Chân Như, trong đó trí không phân biệt như vậy là tướng của trí Chân Như, gọi là thật tế.

Nói thật tế, là lìa phạm vi hơn hẳn của ham muốn khác. Nói thật tế, là lìa khỏi các thứ ham muốn, thật tướng của trí Chân Như là không phân biệt. Đây là từ trong cảnh giới của nội tâm quán sát như thật để quán tưởng về nơi chốn phần vị.

Như vậy theo thứ tự trình bày về pháp tánh là tĩnh lặng, nên biết.

Địa là thành tựu cảnh giới của tự tâm, và quán Chân Như là Địa được quán sát.

Các pháp nào là trên như đã nói về ấm-giới... Sự của ấm-giới..., đó lìa xa Chân Như, vì Chân Như không có hý luận. Chân Như phải quán sát bằng trí không phân biệt. Trí đó tĩnh lặng, vì Chân Như lìa xa mọi nơi chốn có thể giữ lấy và chủ thể giữ lấy.

Nói pháp rất sâu xa như vậy, nên biết là chánh pháp này rất thâm diệu, khó hiểu. Như kinh nói: “Bồ-tát Vông Minh nói: Phạm Thiên, ít có chúng sinh có khả năng hiểu được chánh tánh của các pháp như vậy.

Nói các pháp có chánh tánh như vậy, tức là lìa pháp tánh chánh mà cầu trí thì không thể được. Vì pháp tánh kia vượt lên trên số lượng một-khác của thế gian, che mất Thể của pháp hữu vi. Gọi là ít bởi vì nương vào một số, lìa một số kia lại không có phần ít, như vậy là để ngăn ngừa sự chấp có về Thể của vật. Thể của pháp đó không phải luôn luôn là không có. Không hay, không biết bởi vì ngăn ngừa cho rằng không có tướng pháp. Đây là xác minh về nghĩa gì? Ở đây nói tin tưởng các pháp căn bản của ba đời, không nhận thấy pháp tướng, không có nghĩa là ngăn sự thật chứng. Các Đại Bồ-tát đều có pháp thật chứng. Chỉ rõ nghĩa này vì thuận theo nghĩa này cho nên gọi là tin không có chứng đắc.

Chứng ngộ pháp này gọi là không nhận thấy một sự. Vông Minh! Nếu có người thiện nam-người thiện nữ nào được nghe chánh tánh của các pháp như vậy, siêng năng tinh tiến tu hành, thì gọi là tu hành như thật, tức là nương vào Tuệ nghe, Tuệ tư duy, từ trong trí tuệ mà giảng giải về tướng pháp.

Như trước đây đã nói: Như Lai thuyết pháp là nương vào tâm nào? Ý nào? Về nghĩa này cho nên biết. Vì không hý luận với tất cả pháp, thì gọi là chứng pháp. Vì biết như thật cho nên Bồ-tát không trú vào thế gian, không trú vào Niết-bàn. Nơi thế gian đầy phiền não ô nhiễm không có một pháp nào buông bỏ, vì vậy mà không giảm. Do trong Niết-bàn không có một pháp nào nhận lấy, vì vậy mà không tăng. Đó là chỉ rõ các Đại Bồ-tát không trú vào tướng Niết-bàn của thế gian.

Nghe giảng nói về tướng chánh pháp như vậy, là theo thứ tự, nghe pháp từ người khác, sau đó tự chánh tư duy ở nội tâm, theo thứ tự có khả năng phát sinh chánh kiến xuất thế mà đạt được quả. Lìa các tướng là chỉ rõ thật Thể không trú tướng, chỉ rõ nhân không trú của Niết-bàn. Đó là vì Như Lai nhận thấy pháp vô ngã bình đẳng cùng các Bồ-tát về thế gian và Niết-bàn, các lỗi lầm và công đức không có gì phân biệt bởi vì tướng bình đẳng. Như vậy các Bồ-tát nhất định không trú vào thế gian cũng không trú vào Niết-bàn.

Nói pháp theo thứ tự đến đây đã xong. Lại dựa vào nghĩa khác, tiếp theo dưới đây lại hỏi. Điều này trình bày về nghĩa gì? Đức Như Lai thuyết pháp không bao giờ vượt qua phân biệt, là không bao giờ phân biệt vượt quá đối với thân, không bao giờ phân biệt vượt quá thế gian

lại có một pháp nào khác, vì vậy thế gian không có một pháp nào giảm, ở trong Niết bàn không có một pháp nào tăng, ngăn chặn lia bỏ một vật và ngăn chặn có được một vật. Đây là trình bày về nghĩa gì? Không phải nói là luôn luôn không vượt qua thế gian, hay có vượt qua thế gian. Đó là để ngăn ngừa kẻ chấp (không thấy có vật gì cả). Đây là trình bày về nghĩa gì? Là chỉ rõ ý nghĩa vượt qua hai tướng. Nghĩa này thế nào?

Nói hai tướng:

1. Việc làm ở thế gian.
2. Niết-bàn.

Phân biệt sai lầm về thế gian, phân biệt sai lầm về công đức, thì Đại Bồ-tát hoàn toàn xa lia hai lầm lỗi đó. Về nghĩa này thế nào? Trong pháp bình đẳng không có nhiễm-tịnh, vì dựa trên pháp tánh của thực tế để lia dục. Nói như vậy bởi vì thực tế kia luôn luôn không giống với sinh tử. Thế gian cho sinh tử là thường, vì vậy không có ai nhập Niết-bàn. Bởi vì nghĩa này cho nên không cấu nhiễm, không thanh tịnh.

Theo thứ tự như vậy, không cần phải nói pháp, mà chỉ mặc nhiên an trú, cũng có thể tu hành các hạnh đúng như pháp.

Nếu muốn giảng nói thì phải như Phạm Thiên kia đã nói. Vì vậy Như Lai khen: Lành thay! Lành thay! Pháp không thể nói mà có thể giảng nói. Vì vậy Như Lai lại khen: Lành thay! Ta không vướng vào sinh tử, không chứng đắc Niết-bàn. Như vậy đều là linh hội những nghĩa trước đây đã nói, lại không có pháp nào để có thể nói. Vì sao Như Lai lại nói pháp này? Vì năm trăm Tỳ-kheo khi nghe nói pháp này sinh tâm hoảng sợ, Đức Như Lai vì muốn làm cho các Tỳ-kheo ấy ở trong nghĩa này cuối cùng được yên định. Đây là nêu ra nghĩa nào? Là chỉ rõ ý của Như Lai cũng như vậy, chứ không phải riêng gì Phạm Thiên. Chúng sinh đều rơi vào phía không có vật. Vì vậy Như Lai và Phạm Thiên đều nói lý Không, nhưng kẻ tu tập phạm hạnh không hiểu ý nghĩa sâu xa mà phân biệt sai lầm.

Phạm hạnh là sao? Nghĩa là thọ trì giới tu hành như thật mà không sai phạm.

Tu hành chánh đạo là tu hành, quán sát sự khác nhau của bốn Đế.

Các thiên là bốn thiên như Sơ thiên, Nhị thiên...

Tam-muội là các loại hoạt động có giác-có quán...

Tam-ma-bạt-đề là bốn định Vô sắc.

Do chấp có pháp và không có pháp cho nên các Tỳ-kheo ấy vừa nghe nói như trên, thì nói rằng Như Lai thuyết hoàn toàn không có vật

cũng không có tu hành phạm hạnh như vậy cho nên sinh tâm hoảng sợ, vì họ chấp pháp là có, là không. bởi vì đoạn trừ chấp có, không của các Tỳ-kheo, thì đối với số người ấy Phật không xuất thế... Thậm chí Niết-bàn họ cũng cho là vật có vì thế mong cầu chứng Niết-bàn. Đối trị với chấp vật có, như kinh nói: Hạng người đó cứ mong cầu tướng quyết định. Như vậy là dựa vào không có danh-tướng để giảng nói pháp Không. Như Lai dùng hai thí dụ để quả trách số Tỳ-kheo sợ hãi kia.

Hai thí dụ này khiến phát sinh hai loại nhân nhớ nghĩ, là phát sinh nhân nhớ nghĩ nhằm chán, phát sinh nhân nhớ nghĩ quán sát vui mừng. Nhờ hai nhân ấy mà đạt được Niết-bàn, vì vậy mà Như Lai quả trách. Đây là trình bày về nghĩa gì? Là chỉ rõ từ chỗ họ cầu pháp, tâm bị phiền não lỗi lầm bức bách, cho nên khởi quán về nhằm chán.

Thí dụ đầu giống như pháp đối trị tướng, chỉ rõ cách quán có lợi ích, vui cùng thân quán, cho nên phát sinh quán sát hoan hỷ.

Thí dụ thứ hai giống như pháp đối trị về tướng.

Tiếp theo là trình bày về hạng người kia, dù thực hành tướng chánh mà đó lại là tướng tà hạnh, vì họ khởi lên tướng sinh, tướng diệt, để được tướng Niết-bàn, để chứng tướng đạo.

Từ trước đến giờ, nghe Như Lai giảng nói pháp, các Tỳ-kheo được giảm bớt các hành động xấu ác. Từ đây trở xuống, vì muốn cho các Tỳ-kheo tiến vào trong pháp, cho nên Bồ-tát Vông Minh nói với Phạm Thiên Thắng Tư Duy giúp họ được tiến vào trong pháp. Ở đây chỉ rõ hai loại pháp tướng:

1. Chỉ rõ về Thể thật.
2. Chỉ rõ về chứng đắc quả vị.

Nói thể thật là khiến họ tin tưởng pháp. Nói chứng quả là khiến các Tỳ-kheo lìa tà kiến được giải thoát. Suy cho cùng là chỉ rõ tướng chánh kiến. Vì thân Tỳ-kheo trong khi nghe giảng nói pháp, có khả năng sinh khởi chủng tử vì chư Phật Như Lai ở quốc độ khác cũng đều giảng nói pháp này, là chỉ rõ cho Tỳ-kheo biết sợ nơi nào, thì không thể bỏ nơi đó mà đi, không thể xa lìa pháp tướng đã nói, vì tất cả mọi nơi đều không lìa pháp, vì không thể tránh khỏi. Chỉ rõ tướng như vậy, để hàng Tỳ-kheo kia không ra đi.

Nói hư không để thí dụ, nghĩa này chỉ rõ là sợ hãi nơi nào thì bỏ nơi đó mà đi, chung quy vẫn không tách khỏi chỗ sợ hãi.

Như sợ hư không, không thể vượt khỏi nó, mà có một nơi nào không có hư không để có thể tìm cầu.

Nương vào pháp chứng kia, là chỉ rõ tướng chứng đắc.

Không, Vô tướng, Vô nguyện là Chân Như. Nên biết rằng muốn cầu Niết-bàn, đi trong Niết-bàn, nhưng không chứng đắc Niết-bàn, vì Niết-bàn là tướng thanh tịnh của Chân Như. Đây là theo nghĩa nào? Vì Chân Như kia đều bình đẳng trong tất cả pháp, cho nên gọi là Niết-bàn. Vì trong miệng nói ra thì không thể giữ lấy. Đây là trình bày về nghĩa gì? Vì ngăn ngừa quan niệm cho rằng thật Thể là có thể giữ lấy.

Như vậy xa lìa pháp vật có-không, có thể nhận biết như thật về thể tướng của các pháp.

Các Tỳ-kheo kia nhận thấy như vậy rồi, tâm được giải thoát. Được tâm giải thoát rồi, thì được pháp thật. Được pháp thật rồi, tự nói pháp tướng. Các Tỳ-kheo kia trước đây là phàm phu, sau đó làm học nhân, kể đến chứng thành La-hán. Vì nghĩa này cho nên sau ba thời gian, chấp giữ như trước đây không thành, họ nói lên lời này: Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con đây không phải là phàm phu, không phải hàng hữu học, không phải là bậc vô học, không phải là A-la-hán.

Không ở nơi thế gian, là vĩnh viễn đoạn tất cả mọi nơi thọ sinh mà ở trong cảnh giới Niết-bàn Vô dư.

Không ở nơi Niết-bàn, vì tướng thủ ấn chưa dứt mà ở trong Niết-bàn Hữu dư. Như thật chỉ rõ là có Phật xuất thế, hiện bày tướng giác tri.

Nói đến động, tức là tâm tán loạn. Nói ngã tướng tức là ngã kiến. Nói phát khởi, là có khả năng dấy khởi các hành tướng của tâm.
Nói đến hý luận là ba câu phân biệt về tâm như động khởi..

Nhân quả như vậy hoặc hoàn toàn chỉ rõ cho hạng kia có Phật xuất thế. Thánh giả Xá-lợi-phất nương vào đạo, nương vào sự đạt được, nương vào diệt, nương vào sự chứng ngộ để hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cho nên trả lời như vậy. Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói mà các Tỳ-kheo nói như vậy: Tôi đã được bảy điều không thể làm mà làm. Nói năng hỏi đáp, đây là nêu rõ trả lời thật với cách trả lời ngược lại. Ở đây có hai loại:

1. Trả lời về chỗ chứng đắc.
2. Trả lời về sự giảng nói. Vì có người như vậy cho nên thiết lập sự ghi nhận.

Các Tỳ-kheo đồng hành nói pháp nhưng không có khả năng đạt đến cùng cực, càng sinh tâm tôn trọng. Vì Tỳ-kheo kia nói về Thể của pháp cho nên phát sinh tâm tôn trọng.

